



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 56

Ngày 01 tháng 10 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 12-9-2013 - Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 11-9-2013 - Quyết định số 4931/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015. 14
- 11-9-2013 - Quyết định số 4932/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015. 35

Trang

11-9-2013 - Quyết định số 4933/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015.

58

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức lập, thẩm định,
phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố tại Tờ trình số 1106/TT-SQHKT ngày 12 tháng 4 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 677/STP-VB ngày 01 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố trái với nội dung của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt
và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo sự thống nhất và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, nâng cao chất lượng trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các quy hoạch đô thị, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và phát triển đô thị bền vững của thành phố;
2. Đảm bảo tuân thủ đúng trình tự lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp và trách nhiệm của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện trong công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;
2. Các hoạt động quản lý Nhà nước có liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện đều phải thông qua cơ quan đầu mối là Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Mọi hoạt động phối hợp công tác giữa Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện phải tuân thủ nguyên tắc phối hợp quản lý ngành, lĩnh vực, đảm bảo sự nhất quán, thực hiện theo đúng trình tự lập thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị; phát huy tính chủ động và trách nhiệm của các cơ quan,

đơn vị có liên quan, đề công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ theo kế hoạch và đạt hiệu quả cao;

2. Các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, chủ động phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc bảo đảm khách quan, minh bạch và hiệu quả, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định;

3. Căn cứ yêu cầu của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban quản lý đầu tư - xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố (sau đây gọi tắt là các Ban quản lý các khu chức năng đô thị) và các đơn vị tổ chức lập quy hoạch đô thị; các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn đã được quy định, quá thời hạn này mà vẫn chưa trả lời thì xem như đồng thuận, thống nhất với ý kiến về số liệu hoặc phương án đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị.

Điều 4. Chế độ hội họp theo kỳ họp, phiên họp, tham dự hội nghị

1. Chế độ hội họp giữa Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Theo yêu cầu công tác, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức họp định kỳ vào mỗi quý (trong tháng 3, 6, 9, 12), nội dung, địa điểm, thời gian do Sở Quy hoạch - Kiến trúc thông báo đến các cơ quan, đơn vị;

b) Theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cần phải xem xét giải quyết kiến nghị đột xuất của các đơn vị, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức họp đột xuất để lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; đề nghị các cơ quan có liên quan được mời dự họp phải cử đúng thành phần theo quy định, trường hợp vắng phải xin ý kiến của cơ quan chủ trì trước, phải nghiên cứu tài liệu và có ý kiến góp ý về nội dung liên quan đến buổi họp, chịu trách nhiệm về ý kiến của mình; sau cuộc họp, Sở Quy hoạch - Kiến trúc có văn bản hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở báo cáo đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chế độ tham dự hội nghị: Đại diện lãnh đạo các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện được mời với tính cách là thành viên tham dự các Hội nghị,

Hội thảo chuyên đề của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về những vấn đề có liên quan đến công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố.

Điều 5. Về công tác tổng hợp, báo cáo

a) Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban quản lý các khu chức năng đô thị, các đơn vị tổ chức lập quy hoạch đô thị phải tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trong phạm vi quản lý (theo Mẫu của Sở Quy hoạch - Kiến trúc). Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm (chậm nhất ngày 25 của tháng cuối cùng) hoặc khi có biến động, phát sinh nội dung mới và gửi về Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổng hợp và báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc về công tác tổng hợp, báo cáo của các cơ quan, đơn vị có liên quan và cần phải đề ra biện pháp chế tài đối với các cơ quan, đơn vị không có báo cáo hoặc có báo cáo nhưng chưa đúng thời hạn quy định nêu trên, gây chậm trễ, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

Điều 6. Phối hợp trong công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong việc xây dựng kế hoạch lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố; phối hợp các Sở, ban, ngành, các Ban quản lý các khu chức năng đô thị, Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thực hiện và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị được phê duyệt;

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm thẩm định các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố đúng theo quy trình và thời hạn đã được quy định. Trong quá trình thẩm định quy hoạch đô thị, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm thực hiện hoàn chỉnh các hồ sơ quy hoạch đô thị, đúng thời hạn theo quy định và nội dung hướng dẫn của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị. Mọi sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của đơn vị nào, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố;

3. Khi cần thiết, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan đến nội dung đề án quy hoạch để lấy ý kiến góp ý về chuyên ngành trước 15 ngày làm việc, để có thời gian nghiên cứu trước. Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm tham gia góp ý đối với các nội dung của đề án quy hoạch đô thị;

4. Tùy theo tính chất, nội dung, quy mô của đề án quy hoạch đô thị, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sẽ phối hợp với Bộ Tư lệnh thành phố, Công an thành phố tổ chức thẩm định các đề án quy hoạch đô thị có liên quan đến an ninh quốc phòng.

Điều 7. Phối hợp trong công tác quản lý, tổ chức bộ máy

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý quy hoạch đô thị trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quy hoạch đô thị;

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện trong công tác xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy tại cơ sở đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Phối hợp về công tác tài chính

1. Hàng năm, Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch, để lập kế hoạch và dự toán ngân sách phục vụ cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt, công bố công khai các quy hoạch đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, tổ chức cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố theo quy định;

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ngành có liên quan, các Ban quản lý các khu chức năng đô thị, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành về quản lý nguồn kinh phí từ ngân sách trong quá trình thực hiện công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị.

Điều 9. Phối hợp trong công tác phổ biến, góp ý, soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện trong công tác triển khai các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch đô thị;

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên

quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và báo cáo đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp để đề xuất, kiến nghị cơ quan ban hành điều chỉnh hoặc bãi bỏ; tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do Bộ Xây dựng, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì soạn thảo trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 10. Phối hợp trong công tác trả lời, giải quyết, các khiếu kiện, kiến nghị người dân, công tác thanh tra kiểm tra

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban quản lý khu chức năng đô thị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và thẩm quyền của mình có trách nhiệm phối hợp các Sở, ngành có liên quan để trả lời các khiếu kiện, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề liên quan đến công tác lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

2. Để đảm bảo công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị có kết quả tốt, đúng quy định; định kỳ 6 tháng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với các Sở, ngành có liên quan lên kế hoạch tổ chức kiểm tra Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban quản lý khu chức năng đô thị trong việc tuân thủ các quy định của Quyết định này và các quy định khác có liên quan về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ hàng năm quy định trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

Điều 11. Phối hợp trong cung cấp, trao đổi tài liệu, thông tin

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam làm việc về các lĩnh vực có liên quan; phối hợp thực hiện các dự án hợp tác quốc tế có liên quan;

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu về

những vấn đề có liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị để bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận-huyện, các Ban quản lý các khu chức năng đô thị

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị theo quy định và tiến độ, kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận;

2. Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc rà soát, đánh giá quá trình thực hiện các đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt theo định kỳ đã được quy định;

3. Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các cơ quan thanh tra, thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị theo quy định trên địa bàn quản lý;

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc giải quyết các khiếu nại, kiến nghị về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị theo phạm vi trách nhiệm được giao;

5. Thực hiện công tác công bố quy hoạch đô thị, tổ chức cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Tham gia vào Hội đồng thẩm định quy hoạch đô thị thành phố theo Quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin có liên quan theo yêu cầu của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban quản lý các khu chức năng đô thị và các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị để phục vụ cho công tác nghiên cứu, lập quy hoạch đô thị. Đồng thời, tùy theo chức năng, nhiệm vụ, các Sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp cụ thể như sau:

2.1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng kế hoạch hàng

năm sử dụng nguồn vốn ngân sách cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt và công bố công khai quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị (không thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh), công tác cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định.

2.2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận-huyện, để xác định nguồn lực, kế hoạch thực hiện các hạng mục dự án ưu tiên đầu tư đã được xác định trong nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố để công bố công khai cho cộng đồng dân cư trong khu vực quy hoạch và các tổ chức chính trị - xã hội được biết, để giám sát việc thực hiện theo quy hoạch.

2.3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin, dữ liệu, bản đồ phục vụ cho công tác lập quy hoạch đô thị, bảo đảm yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ. Cập nhật bổ sung các biến động trong trường hợp bản đồ không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch;

b) Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị về các dự án phát triển đô thị đã được giao - thuê đất và các thông tin có liên quan khác, để phục vụ cho công tác nghiên cứu, lập, thẩm định quy hoạch đô thị.

2.4. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin, dữ liệu chuyên ngành, có cập nhật bổ sung các biến động để đáp ứng yêu cầu phục vụ trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch đô thị phù hợp với từng loại đồ án quy hoạch đô thị;

b) Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc trong công tác thẩm định quy hoạch về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, các hành lang bảo vệ đường bộ, đường sắt, đường thủy.

c) Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về công bố công khai quy hoạch chi tiết xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn thành phố.

2.5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc kiểm tra điều kiện, năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia công tác lập quy hoạch đô thị;

b) Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị thông tin các dự án đầu tư phát triển nhà ở đã được phê duyệt dự án đầu tư, cấp giấy phép xây dựng và các thông tin có liên quan khác để phục vụ cho công tác nghiên cứu, lập, thẩm định quy hoạch đô thị.

2.6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị liên quan đến quy hoạch hạ tầng viễn thông (về cả công trình hạ tầng ngầm), hạ tầng công nghệ thông tin và thực hiện công tác công bố, công khai các thông tin quy hoạch đô thị;

b) Cung cấp kịp thời và đầy đủ cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị các thông tin có liên quan, để phục vụ cho công tác nghiên cứu, lập quy hoạch đô thị;

c) Hỗ trợ Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Ban quản lý khu chức năng đô thị và Ủy ban nhân dân quận - huyện, các đơn vị chức năng có liên quan thực hiện công tác lưu trữ dữ liệu, báo cáo, thống kê, kết nối qua mạng và thực hiện các giao dịch điện tử.

2.7. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện trong công tác củng cố bộ máy tổ chức nhân sự, bổ sung nguồn nhân lực trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý quy hoạch;

b) Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trong công tác quy hoạch cho các sở, ngành, đơn vị chức năng trên địa bàn thành phố.

c) Nghiên cứu, đề xuất bổ sung tiêu chí để xét thi đua khen thưởng hàng năm cho các cơ quan, đơn vị có liên quan về công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị.

2.8. Trách nhiệm của Sở, ngành khác

a) Cung cấp kịp thời và đầy đủ cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban quản lý các khu chức năng đô thị, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị các thông tin có liên quan đến định hướng phát triển kinh tế - xã hội, định hướng quy hoạch phát triển ngành - lĩnh vực, để phục vụ công tác nghiên cứu, lập quy hoạch đô thị;

b) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc xác định nguồn lực, kế hoạch, thực hiện các hạng mục dự án ưu tiên đầu tư đã được xác định trong nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) để công bố công khai.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này; định kỳ 06 tháng và hàng năm tổng hợp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quy chế này, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm phối hợp thực hiện;

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Ban quản lý các khu chức năng đô thị phản ánh kịp thời về Sở Quy hoạch - Kiến trúc để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổng hợp, báo cáo đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4931/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phước Vĩnh An,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình 48/TTr-BQL, ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015, có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi; ý kiến thẩm định và khảo sát thực tế của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 371/TB-TCT-PTNT ngày 26 tháng 11 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1528/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 15 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 (theo nội dung đề án đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4931/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ PHƯỚC VĨNH AN - HUYỆN CỦ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Phước Vĩnh An nằm ở phía Đông của huyện Củ Chi, cách trung tâm huyện 5km về phía Tây Bắc ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 35km. có diện tích tự nhiên là 1.623,69 ha, chiếm 3,75% diện tích tự nhiên toàn huyện (43.487,61 ha).

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Phú Hòa Đông;
- Phía Nam giáp xã Tân Phú Trung, Tân Thông Hội;
- Phía Đông giáp xã Tân Thạnh Tây;
- Phía Tây giáp xã Tân An Hội và thị trấn Củ Chi.

Diện tích tự nhiên là 1.623,69 ha, chiếm 3,75% diện tích tự nhiên toàn huyện. Xã được chia thành 6 ấp, gồm: ấp 1 (314 ha), ấp 2 (91 ha), ấp 3 (285 ha), ấp 4 (165,1 ha), ấp 5 (525,69), ấp 6 (242,9 ha).

2. Dân số

- Dân số toàn xã là 16.203 nhân khẩu, trong đó nam là 7.765 người, chiếm 48%; nữ là 8.438 người, chiếm 52%; 4.045 hộ gia đình (bao gồm cả hộ đăng ký tạm trú trên 6 tháng).

- Dân số của xã được phân bố đều trong 6 ấp, chủ yếu là dân tộc Kinh (chiếm

98%), bên cạnh đó có dân tộc Hoa và Khơme. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,2%. Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân 5,84‰.

- Số người trong độ tuổi lao động (16 đến 60 tuổi): 10.008 lao động, trong đó lao động chưa có việc làm là 500 lao động (5%); lao động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 5.504 lao động (55%); lao động thương mại và dịch vụ: 2.502 lao động (25%); lao động nông nghiệp: 2.002 lao động (20%).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

Quy hoạch Nông thôn mới: Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và đang thực hiện quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội đến năm 2020. Xã đang thực hiện quy hoạch nông thôn mới theo Thông tư liên tịch số 13 (13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT của Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Toàn xã có 91 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 66,25 km. Trong đó:

- Đường trục xã, liên xã đã được nhựa hoá: 15,5km/15,5km;
- Đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa, đạt chuẩn: 21,26 km/30,2 km;
- Đường nội đồng thuận lợi cho giao thông: 16,25 km/16,25km;
- Đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa: 3,1km/4,3km.

b) Thủy lợi

Xã có 18 tuyến thủy lợi với chiều dài khoảng 18,648 km, trong đó:

- Hệ thống tưới có chiều dài: 13,4 km;
- Hệ thống tiêu có chiều dài: 4,3 km.

c) Điện

- Số trạm biến áp: 89 trạm; trong đó số trạm đạt yêu cầu: 89 trạm.
- Số km đường dây hạ thế: 50,011 km; đã đạt chuẩn: 50,011 km;
- Số km đường dây trung thế 34,445 km, đạt chuẩn 34,445 km;
- Hệ thống điện chiếu sáng: 764 bóng;

- Tỷ lệ hộ dùng điện: 100%;
- Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sản xuất: 100%.

d) Trường học

- Trường mầm non: Hiện có 1 trường mầm non Phước Vĩnh An, 4 phân hiệu (trong đó có 1 phân hiệu không hoạt động do nhu cầu ít và không đảm bảo cơ sở vật chất), chưa đạt chuẩn quốc gia với tổng số học sinh là 359 học sinh và 21 giáo viên - công nhân viên, đạt chuẩn 16 giáo viên, trên chuẩn 13 giáo viên.

- Trường tiểu học: Hiện có 2 trường tiểu học chưa đạt chuẩn: Trường tiểu học Phước Vĩnh An, và Trường tiểu học Trần Văn Châm với tổng số 1.004 học sinh và 42 giáo viên.

+ Trường tiểu học Phước Vĩnh An: Tổng số giáo viên: 23 giáo viên, tổng số học sinh: 498 học sinh.

+ Trường tiểu học Trần Văn Châm: Tổng số giáo viên: 19 giáo viên, tổng số học sinh: 506 học sinh.

- Trường Trung học cơ sở: Hiện có 1 trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An chưa đạt chuẩn quốc gia với tổng số học sinh 596 và 45 giáo viên.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

Trên địa bàn xã chưa có nhà văn hóa và 6 văn phòng ấp chưa phục vụ tốt nhu cầu hội họp và sinh hoạt của người dân. Hiện tại xã có 3 sân bóng: 1 sân dùng xây Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An, 1 sân bóng và 1 sân xây dựng khu thể thao đa năng.

e) Chợ

Trên địa bàn xã có 3 điểm bán hàng bình ỏn giá do Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện vận động thành lập. Hiện tại xã chưa có chợ nông thôn. Tuy nhiên theo nhu cầu hiện tại của người dân thì cần xây một cửa hàng tiện ích.

g) Bưu điện

Trên địa bàn xã chưa có bưu điện văn hóa đạt chuẩn và có đài truyền thanh. Hệ thống đường truyền Internet có 12 trạm BTS, chiều dài 25km². Hiện có 6 điểm truy cập Internet đang hoạt động (Internet tư nhân). Địa điểm kinh doanh phân bố đều trên 6 ấp.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Theo thống kê hiện nay, toàn xã có 3.668 căn nhà, trong đó: nhà kiên cố: chiếm 1,36% (50 căn), nhà bán kiên cố chiếm 98,64% (3.618 căn).

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Cơ cấu kinh tế, giá trị đóng góp của các ngành (%): ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (53%), ngành thương mại - dịch vụ (26%), ngành nông nghiệp (21%);

- Cơ cấu ngành nông nghiệp(%): chăn nuôi (66,34%), trồng trọt (31,22%), thủy sản (2,44%).

- Thu nhập bình quân trên đầu người: 21 triệu đồng/năm/người.

- Tỷ lệ hộ nghèo: **theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm là 471 hộ, chiếm tỷ lệ 11,64%** trên tổng số hộ toàn xã (4.045 hộ).

b) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Cơ cấu lao động (%) theo các ngành: lao động nông nghiệp: 2.002 lao động (20%), công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 5.504 lao động (55%), lao động thương mại và dịch vụ: 2.502 lao động (25%).

- Số lao động trong độ tuổi: 10.008 lao động.

+ Đã qua đào tạo: 700.5 lao động (70%).

+ Sơ cấp (trên 3 tháng): 3.153 lao động (70%), tỷ lệ trong nông nghiệp 30%.

+ Trung cấp: 991 lao động (22%), tỷ lệ trong nông nghiệp 20%.

+ Đại học, cao đẳng: 360 lao động (8%), tỷ lệ trong nông nghiệp 0%.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Có 01 trang trại bò sữa Sao Mai.

- Có 112 doanh nghiệp, cơ sở chế biến, sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ yếu thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

- Có 246 hộ kinh doanh nhỏ lẻ.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%;

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS) đạt: 95% (chuẩn là 80%);

- Phổ cập giáo dục trung học phổ thông (THPT) đạt 80%/70%;
- Chồng mù chữ đạt chuẩn quốc gia: 100%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 70%;
- Tỷ lệ vận động học sinh ra lớp học đạt 98%;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hàng năm đạt 95%.

b) Văn hóa

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 85%, tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn làng văn hóa 50%.
- Tổng số hộ đăng ký gia đình văn hóa là 3.212 hộ đạt 77%, các áp xây dựng tổ nhân dân kiểu mẫu 6 áp và xây dựng 7 điều quy ước đối với Tổ nhân dân theo hướng dẫn của Phòng Văn hóa và Thông tin Huyện.

c) Y tế

Trạm y tế: Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, có: 1 bác sĩ, 1 điều dưỡng trung học, 3 y sĩ, 2 nữ hộ sinh, 1 dược sĩ trung học, 7 giường bệnh. Tuy nhiên, hiện nay trạm y tế xã đang thiếu nhân sự chuyên trách ở những bộ phận khám chữa bệnh.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 70%;
- Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân/năm: 5,84‰;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng 1,6%;
- Trạm y tế hiện chưa có vườn thuốc nam.

d) Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 4.045 hộ (95%).
- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 100%.
- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 80%.
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường: 90%.
- Số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đạt chuẩn về môi trường: 100 cơ sở.
- Xử lý chất thải: Có thu gom và xử lý chất thải ở nông thôn: 2.427 hộ (60%); Chưa thu gom rác và xử lý: 1.618 hộ (40%).
- Nghĩa trang: Hiện trên địa bàn xã chưa có nghĩa trang theo quy hoạch và quản lý, chỉ có một số nghĩa địa nằm rải rác trên địa bàn các ấp.

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- Hệ thống chính trị của xã đạt chuẩn.

- Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh. Có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức hoạt động ổn định.

- Đảng bộ xã có 190 đảng viên.

- Ủy ban nhân dân xã: có 47 người biên chế, gồm: 22 người cán bộ không chuyên trách, 25 người cán bộ chuyên trách.

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: trình độ cao học không có, trình độ đại học là 12 người, trình độ cao đẳng là 1 người, trình độ trung cấp là 6 người

- Trình độ lý luận chính trị: trình độ đại học không có, trình độ cao cấp là 3 người, trình độ trung cấp là 11 người

Số lượng cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đạt tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 02 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: 20/21 người.

b) An ninh trật tự

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, thực hiện tốt kế hoạch tấn công các loại tội phạm. Bảo vệ tốt các ngày lễ, tết, quản lý tốt việc đăng ký tạm trú, tạm vắng trên địa bàn.

Xây dựng 100% ấp không có tội phạm ẩn náu, hoạt động, có tội phạm phát hiện nhanh. Quản lý tốt các đối tượng phạm pháp theo nghị định của Chính phủ.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ PHƯỚC VĨNH AN - HUYỆN CỬ CHI ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Phước Vĩnh An trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và

tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Phước Vĩnh An trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: có 7/19 tiêu chí đạt chuẩn (1, 4, 8, 9, 14, 15, 19).

- Năm 2013: Phần đầu đạt 15/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 8 tiêu chí: 3, 6, 7, 12, 13, 16, 17, 18).

- Năm 2014: Phần đầu đạt 17/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 2 tiêu chí: 2, 5).

- Năm 2015: Phần đầu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 2 tiêu chí: 10, 11).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới (sử dụng đất; sản xuất: Nông nghiệp - Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Dịch vụ; Xây dựng).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần so với mức khởi điểm xuất phát khi xây dựng đề án (21 triệu đồng/người/năm).

- Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng: Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp theo tỷ lệ: 56% - 26% - 18%.

- Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp: tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất đất nông nghiệp giảm bình quân hàng năm là 5 - 10%. Phần đầu nâng tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm > 90%.

- Đào tạo nghề cho 1.081 lao động (tính cả số học sinh vào trường đại học, cao đẳng và trung học).

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm từ 11,6% xuống dưới 2% (Đến cuối năm 2015 còn lại là 1%).

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Nâng cấp và cải tạo các tuyến kênh mương nội đồng đảm bảo tốt cho phục vụ sản xuất của người dân.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 6/6 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 1 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xã nông thôn mới.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đường trục ấp, liên ấp: nâng cấp 3 tuyến đường lên láng nhựa với chiều dài 4,070 km, nâng cấp đường đất lên cấp phối sỏi đỏ 08 tuyến với chiều dài 4,865 km.

+ Đường trục chính nội đồng: nâng cấp 1 tuyến đường cấp phối sỏi đỏ với chiều dài 1,2 km.

b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: nâng cấp, nạo vét làm thông thoáng dòng chảy: 1,86 km.

c) Điện

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới 2,9 km đường dây hạ thế và 6 trạm biến áp;

+ Nâng cấp 18 trạm biến áp đang xuống cấp.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới 1 trường mầm non Phước Vĩnh An đạt chuẩn. Tuy nhiên hiện nay chưa có mặt bằng đầu tư.

+ Nâng cấp cơ sở vật chất và xây mới một số phòng chức năng của trường tiểu học Phước Vĩnh An.

+ Xây mới trường tiểu học Trần Văn Chảm trên nền hiện hữu của trường THCS Phước Vĩnh An.

+ Xây mới trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An tại sân bóng ấp 5, có 18 phòng học và sân chơi.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới 1 khu thể thao đa năng.

+ Xây mới 1 trụ sở xã Đội và Công an đồng.

+ Nâng cấp hội trường Ủy ban nhân dân xã và trụ sở.

+ Xây dựng mới hội trường văn phòng ấp 1 kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa.

+ Xây dựng mới văn phòng ấp 2 kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa.

+ Sửa chữa, nâng cấp văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa: ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6.

e) Nhà ở dân cư

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Chính trang: 15% nhà ở dân cư (550 căn).

+ Vận động và tuyên truyền người dân có nhu cầu xây nhà mới; sửa chữa nhà theo đúng quy định về kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với nông thôn ven đô.

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ lãi vay chính sửa nhà ở.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện

+ Hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm có lợi thế theo hướng thị trường và hàng hóa. Nhà nước hỗ trợ đầu tư để phát triển ngành hàng lợi thế thành sản phẩm hàng hóa của địa phương.

+ Khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị, diện tích đất ít nhưng hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường. Xã quy hoạch ổn định vùng đất sản xuất nông nghiệp để Nhà nước hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng cơ bản (đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...) phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, đào tạo kiến thức cho các chủ hộ.

+ Tăng cường khuyến nông đối với nông dân qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan đầu bờ, bồi dưỡng kiến thức qua câu lạc bộ khuyến nông, khuyến công.

+ Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao,...

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện phấn đấu đến năm 2015 hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới của thành phố, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 2% vào năm 2015.

+ Thực hiện các chương trình an sinh xã hội:

* Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó

khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

* Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Địa phương liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã.

c) Hình thức tổ chức cần phát triển

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo, trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

+ Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế Tổ hợp tác, Hợp tác xã thông qua:

* Hỗ trợ điều kiện sản xuất như kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản.

* Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho xã viên tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

* Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại.

* Tham quan học tập mô hình sản xuất hiệu quả.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động, dưới nhiều hình thức và ngành nghề phù hợp với đặc thù địa phương.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyên dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW về củng cố, tăng cường và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; phát triển mạng lưới nhân viên sức khỏe cộng đồng; phát huy vai trò mạng lưới y tế cơ sở trong chăm sóc y tế cho người nghèo.

+ Hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế theo quy định và trang thiết bị để đảm bảo khám chữa bệnh.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn.

+ Thực hiện nghiêm Chi thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang, lễ hội... Thực hiện tốt chính sách về người nghèo...

+ Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp”, kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên quy mô xã.

+ Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, dự kiến: 210.804 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: **150.882 triệu đồng** (chiếm 71,57%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 59.922 triệu đồng (chiếm 28,43%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: **162.874** triệu đồng, chiếm 77,26%; trong đó:
 - + Vốn nông thôn mới: 63.352 triệu đồng, chiếm 30,05%.
 - + Vốn lồng ghép: 99.522 triệu đồng:
 - * Vốn tập trung: 72.850 triệu đồng;
 - * Vốn phân cấp huyện: 3.550 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 23.122 triệu đồng.
2. Vốn cộng đồng: **32.530** triệu đồng, chiếm 15,43%; trong đó:
 - + Vốn dân: 11.650 triệu đồng
 - + Vốn doanh nghiệp: 20.880 triệu đồng
3. Vốn tín dụng: **15.400** triệu đồng, chiếm 7,31%.
 - * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến hết năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy

ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh An, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh An và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Phước Vĩnh An; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Vĩnh An cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Phước Vĩnh An.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Phước Vĩnh An, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Vĩnh An.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4932/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi
giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình 546/TTr-BQL, ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi; ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 373/TB-TCT-PTNT ngày 28 tháng 11 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số: 1584/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 20 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 (*theo nội dung đề án đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi,

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4932/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ BÌNH MỸ - HUYỆN CỬ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Bình Mỹ nằm phía Đông huyện Củ Chi, cách thị trấn Củ Chi khoảng 15 km và cách trung tâm TP. Hồ Chí Minh khoảng 30 km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Tây giáp xã Hòa Phú và xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi;
- Phía Nam giáp xã Đông Thạnh (huyện Hóc Môn);
- Phía Bắc và phía Đông giáp tỉnh Bình Dương;

Xã có các tuyến Tỉnh lộ 8, Tỉnh lộ 9 và Tỉnh lộ 15 và đường Bình Mỹ chạy qua địa bàn. Nhìn chung hệ thống đường giao thông liên xã tương đối hoàn chỉnh, là điều kiện đặc biệt thuận lợi trong việc phát triển kinh tế, xã hội trong tương lai.

Diện tích đất tự nhiên: 2.539,44 ha, chiếm 5,84% diện tích tự nhiên toàn huyện. Xã có 10 ấp, gồm: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4A, ấp 4B, ấp 5, ấp 6A, ấp 6B, ấp 7, ấp 8.

2. Dân số

- Dân số toàn xã là 18.039 nhân khẩu với 4.193 hộ. Trong đó:
 - + Khẩu nông nghiệp: 3.988 người, 927 hộ (chiếm 22,1%)
 - + Khẩu phi nông nghiệp: 14.051 người, 3.266 hộ (chiếm 77,9%)

- Dân số của xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại những ấp ven Tỉnh lộ 8, 9, 15 và các trục lộ giao thông trong xã.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Quy hoạch

- Quy hoạch sử dụng đất: xã Bình Mỹ đã có quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, đang tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020.

- Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường; Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có: hiện đang xây dựng, trình Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi phê duyệt quy hoạch đến năm 2020.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã bao gồm: đường trục xã, liên xã; đường trục ấp, liên ấp, tổ và đường giao thông nội đồng: 100,96 km. Trong đó:

- Đường trục xã, liên xã trên địa bàn gồm 5 tuyến, với tổng chiều dài 21,05 km được đầu tư lát nhựa, bê tông nhựa từ những năm 2000 (3 tuyến lát nhựa: Tỉnh lộ 5, Tỉnh lộ 9 và Bình Mỹ; 2 tuyến bê tông nhựa nóng: Tỉnh lộ 8 và Võ Văn Bích). Trong 5 tuyến trục xã, liên xã, có 1 tuyến đường Võ Văn Bích đã được duy tu, sửa chữa bê tông nhựa nóng đạt chuẩn, còn lại 4 tuyến đã xuống cấp, cần nâng cấp trong thời gian tới;

- Đường trục ấp, trục tổ: 43 tuyến, chiều dài 37,61 km; trong đó 6 tuyến được cấp phối đá dăm, 29 tuyến cấp phối sỏi đỏ, còn lại 8 tuyến đường đất. Hiện đã xuống cấp, lầy lội vào mùa mưa;

- Đường ngõ, tổ trên địa bàn xã: 23,9km, chủ yếu là đường đất;

- Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: 10,80/18,40 km (đạt 58,70%). Tuy nhiên những tuyến đường này chủ yếu là đường đất và cấp phối sỏi đỏ nên vào mùa mưa vẫn còn lầy lội, xe cộ đi vào gặp nhiều khó khăn.

b) Thủy lợi

- Hiện tại trên địa bàn xã không có trạm bơm.

- Số km kênh mương hiện có: 107,35 km, chủ yếu là kênh đất phục vụ tưới, tiêu

cho hoạt động sản xuất trên địa bàn; hiện nay một số tuyến kênh đã bị bồi lắng, làm chậm thoát nước, gây ngập úng vào mùa mưa lũ. Trong thời gian tới cần cải tạo và nâng cấp các tuyến kênh phục vụ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn xã Bình Mỹ.

c) Điện

- Trên địa bàn xã hiện có 116 trạm biến áp với công suất: 27,422 KVA;
- Số km đường dây trung và hạ thế: 105,92 km.
- Tỷ lệ hộ dùng điện: 100%
- Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sản xuất: 90%.
- Hiện nay hầu hết trên các tuyến đường giao thông nông thôn xã đều đã được trang bị các bóng đèn để thắp ánh sáng phục vụ cho việc đi lại, sinh hoạt cho người dân, còn khoảng 8 tuyến chưa có đèn chiếu sáng dài 5.282 mét.

d) Trường học

Hệ thống trường học của xã có đủ các cấp học nhưng chưa đạt chuẩn, bao gồm:

- Trường mầm non: hiện tại xã có 1 trường chính và 5 phân hiệu trường mầm non Bình Mỹ nhưng chưa đạt chuẩn quốc gia với 11 lớp học chưa được kiên cố hóa phục vụ cho 302 học sinh; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 100%. Tổng số giáo viên của trường là 18 người.

- Trường tiểu học: toàn xã có 2 trường tiểu học Bình Mỹ 1 (ấp 6B) và 1 phân hiệu nằm trên ấp 7; Bình Mỹ 2 (ấp 4A) và 2 phân hiệu tại ấp 1 và ấp 4B với tổng số 61 giáo viên (trong đó 100% đạt chuẩn), 1.341 học sinh và 36 lớp học.

- Trường Trung học cơ sở: hiện tại xã có 1 trường Trung học cơ sở Bình Hoà nhưng chưa đạt chuẩn quốc gia, tổng số phòng học là 19 phòng với 767 học sinh.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Xã chưa có nhà văn hóa, khu thể thao của xã, tuy nhiên trong thời gian tới, xã không đề nghị xây nhà văn hóa mà chỉ đề nghị đầu tư xây dựng mới đạt chuẩn 01 khu thể thao đa năng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt thể thao của người dân xã Bình Mỹ.

- Xã có tất cả 10 ấp nhưng có 8 ấp hiện đã có văn phòng ấp nhưng xuống cấp, còn lại 2 ấp (ấp 2 và 4B) chưa có văn phòng ấp phục vụ cho sinh hoạt của người dân cũng như nhu cầu hội họp của ấp. Hiện tại trụ sở văn phòng ấp dùng làm nơi hội họp

và sinh hoạt văn hóa cộng đồng dân cư trên địa bàn và đã xuống cấp. Cần nâng cấp 4 và xây mới 6 văn phòng áp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của ấp.

e) Chợ

Xã Bình Mỹ có 3 chợ tự phát; trong đó có 1 chợ do tư nhân đầu tư xây dựng; Mặt hàng chủ yếu là sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho người dân nông thôn. Trong thời gian tới cần nâng cấp và sửa chữa 1 chợ đạt chuẩn (nguồn vốn tư nhân đầu tư).

g) Bưu điện

- Xã có 1 trạm bưu điện văn hóa đạt chuẩn. Trong thời gian tới bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng quy mô để phục vụ tốt hơn nhu cầu người dân trong quá trình phát triển của xã.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Xã không còn nhà tạm, dột nát. Tỷ lệ nhà cấp 4 là 69,89%, còn lại 31,11% là nhà kiên cố.

- Tình trạng chung về xây dựng nhà ở dân cư: đa số người dân xây nhà bằng tường gạch, mái ngói hoặc tole. Bình quân 65 m²/nhà.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Cơ cấu kinh tế, giá trị của các ngành (%): ngành nông nghiệp (32,87%), ngành thương mại - dịch vụ trong những năm gần đây có những bước phát triển khả quan nhờ vào việc cung ứng hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp và dịch vụ tiêu dùng, chiếm 29,85% trong cơ cấu kinh tế, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (37,28%).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm năm 2012 của xã là: 18,4 triệu đồng/người/năm.

- Số lượng hộ nghèo (theo chuẩn nghèo 12 triệu đồng/người/năm) trên địa bàn xã là 548 hộ, chiếm tỷ lệ 11,16%.

b) Lao động

- Xã Bình Mỹ có lực lượng lao động khá dồi dào với 12.048 người, chiếm 66,79% dân số toàn xã. Trong đó:

+ Lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là: 2.075 người, chiếm 17,21% lực lượng lao động của xã.

+ Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn xã chiếm 96,38%.

+ Lao động Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng: 3.495 người chiếm 28,98% lực lượng lao động của xã.

+ Lao động thương mại dịch vụ: 4.916 người chiếm 40,77% lực lượng lao động của xã.

+ Lao động chưa có việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định là 436 người, chiếm tỷ lệ 3,62%.

- Số lượng lao động trong độ tuổi còn đang đi học là 1.126 người, chiếm 9,35% lực lượng lao động của xã.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Xã không có trang trại chăn nuôi gia súc.

- Toàn xã có 50 doanh nghiệp đang hoạt động và khoảng 320 hộ, cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể trên địa bàn; hoạt động chủ yếu ở một số lĩnh vực như: gia công dệt may, sửa chữa cơ khí, vật liệu xây dựng, tạp hóa, gõ gia dụng, sơn mài,...

- Hiện tại trên địa bàn xã có 3 Tổ hợp tác (2 tổ rau muống nước; 1 tổ bò sữa) đang hoạt động có hiệu quả; chưa có hợp tác xã trên địa bàn.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa - giáo dục

- Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa: 60%;

- Phổ cập giáo dục trung học: đạt trên 70%;

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): đạt tỷ lệ 97%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 56%

b) Y tế

- Trạm Y tế: xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn cơ sở vật chất; còn thiếu bác sĩ và trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh;

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: 75%.

c) Môi trường

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 80% hộ dùng nước giếng khoan và 20% hộ dân sử dụng nước từ trạm cấp nước.

+ Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 92%.

+ Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 70%.

+ Xử lý chất thải:

- Có thu gom rác và xử lý: 50%;

- Chưa có thu gom rác và xử lý: 50%;

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường: 30%.

+ Nghĩa trang: Chưa có

+ Trên địa bàn xã có 91 công ty (Xây dựng: 5, xăng dầu 5, sản xuất 45, kinh doanh dịch vụ 36) và 37 cơ sở sản xuất nhỏ (sơn mài, cơ khí,...) đang hoạt động; trong đó có 3 công ty sản xuất gây ô nhiễm đã có quyết định di dời, còn lại các công ty, cơ sở khác tập trung đến cuối năm 2013 đều cơ bản đảm bảo đạt tiêu chuẩn về môi trường.

+ Nghĩa trang: xã Bình Mỹ chưa có nghĩa trang trên địa bàn, hiện người dân chủ yếu chôn cất trên đất nhà, tuy nhiên thời gian tới xã sẽ quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn.

Tình hình chung về môi trường và quản lý môi trường trên địa bàn xã: Những năm gần đây việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đã đem lại những hiệu quả rõ rệt về cải tạo môi trường. Tuy nhiên do ý thức của người dân chưa cao, việc sử dụng nhiều loại hóa chất chưa hợp lý nên môi trường của các tuyến kênh rạch đang dần bị ô nhiễm, mặt khác chất thải từ chăn nuôi và sinh hoạt của nhân dân cũng ảnh hưởng tiêu cực tới cảnh quan môi trường nông thôn của xã. Bên cạnh còn có nhà máy chế biến mủ cao su xả thải gây ra mùi hôi ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như sinh hoạt của người dân trên địa bàn

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- 1 Đảng bộ cơ sở: có 17 chi bộ trực thuộc, với 239 đảng viên. Trong đó 10 chi bộ ấp, 1 chi bộ cơ quan; 1 chi bộ công an; 1 chi bộ quân sự và 4 chi bộ trường học.

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 47 người; trong đó có 25 cán bộ và công chức, 22 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 5 năm 2013 là 43 người, gồm: 12 cán bộ, 10 công chức và 21 cán bộ không chuyên trách.

- Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: hoạt động xuất sắc.

+ Công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị thường xuyên được thực hiện: Công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, công tác củng cố hoạt động của hệ thống chính quyền.

b) An ninh trật tự xã hội

Tình hình trật tự xã hội, an ninh trên địa bàn cơ bản ổn định, không xảy ra thưa kiện đông người; không có tệ nạn mại dâm, tiêm chích và sử dụng ma túy.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ BÌNH MỸ - HUYỆN CỬ CHI ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Bình Mỹ trở thành xã nông thôn mới thời kỳ Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Bình Mỹ trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: có 06/19 tiêu chí đạt chuẩn (1, 4, 8, 12, 13, 19).
- Năm 2013: phần đầu đạt 13/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 7 tiêu chí: 3, 7, 9, 14, 15, 16, 18).
- Năm 2014: phần đầu đạt 17/19 tiêu chí (thêm 4 tiêu chí: 2, 5, 6, 17).
- Năm 2015: phần đầu đạt 19/19 tiêu chí (thêm 2 tiêu chí: 10, 12).

*** Nội dung thực hiện cụ thể:**

- Hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.
- Đảm bảo 100% đường trục xã, liên xã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa; 100% đường giao thông trọng yếu trong ấp, liên ấp, trục tổ, ngõ xóm; giao thông nội đồng được cứng hóa láng nhựa hoặc cấp phối.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp 1,5 đến 1,8 lần so với bình quân thu nhập chung trước khi xây dựng đề án (nhưng không thấp hơn 37 triệu đồng/người/năm).
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 2% vào năm 2015 (theo chuẩn nghèo thành phố 12 triệu đồng/người/năm).
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp (đô thị - Công nghệ cao) - Thương mại, dịch vụ. Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (tỷ lệ lao động ở độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp) giảm còn 10%. Đào tạo nghề cho khoảng 3.200 lao động; 75% nông dân được trang bị kiến thức nông nghiệp và quản lý.
- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao; nông nghiệp công nghệ cao, an toàn vệ sinh không có dịch bệnh. Trong đó quy hoạch diện tích gieo trồng lúa 150 ha; sản xuất rau an toàn 430 ha; Hoa cây kiểng: 40 ha; Lài - sen: 30 ha; Cỏ: 100 ha; Bò sữa, thịt: 2.700 con; Heo: 9.000 con; Cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái vườn: 500 ha; Thủy sản kết hợp câu cá giải trí: 50 ha.
- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện, công cụ dạy học. Đảm bảo mỗi cấp học: mầm non, mẫu giáo, tiểu học có ít nhất 1 trường học đạt chuẩn.
- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với ít nhất 8/10 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.
- Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: đạt

- Ít nhất 8/10 áp đạt tiêu chuẩn áp văn hóa và phân đấu xã đạt xã văn hóa.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 1 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Liên Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Cần cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới 16,33 km đường, cầu giao thông, cụ thể như sau:

+ Đường trục áp, trục tổ: Cải tạo, nâng cấp và xây mới 11,74 km.

+ Đường trục nội đồng: Cải tạo, nâng cấp và xây mới 5,145 km.

+ Xây dựng mới cầu cũ.

b) Thủy lợi:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Nạo vét thông thoát dòng chảy 7 kênh trên địa bàn với tổng chiều dài 16,114 km; trong đó đắp bờ bao kết hợp giao thông 2 bờ 2 kênh, đắp bờ bao kết hợp giao thông 01 bờ 05 kênh.

c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng mới 8 và nâng cấp 55 trạm biến áp; xây dựng mới 11,5km, nâng cấp và cải tạo 3,2 km đường dây hạ thế phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới Trường Mầm non Bình Mỹ; sửa chữa, nâng cấp phân hiệu ấp 1 và ấp 7.

+ Nâng cấp Trường Tiểu học Bình Mỹ 1; xây mới trường Tiểu học Bình Mỹ 2.

+ Nâng cấp Trường Trung học cơ sở Bình Hòa (nâng nền sân, sửa chữa phòng chức năng, xây thêm 4 phòng học).

đ) Cơ sở vật chất văn hóa:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Nâng cấp, mở rộng văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa 3 ấp;

+ Sửa chữa, nâng nền, sân nhà bia tường niệm xã;

+ Láng thêm sân 400 m², làm hàng rào, xây dựng hệ thống thoát nước, xây mới phòng họp trụ sở UBND xã;

+ Xây mới 1 khu văn hóa - thể thao đa năng;

+ Xây mới 7 văn phòng ấp (2, 3, 4A, 4B, 6A, 6B, 8) kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa.

e) Chợ

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Sửa chữa, nâng cấp đạt chuẩn 1 chợ.

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Sửa chữa, cải tạo bưu điện đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của dân cư.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Hỗ trợ xây dựng 14 căn nhà tình thương;

+ Vận động và tuyên truyền người dân có nhu cầu xây nhà mới; sửa chữa nhà

thực hiện đúng quy định về kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với vùng nông thôn ven đô.

+ Triển khai công tác quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; khuyến khích phát triển nhà tầng, nhà ở theo dự án đối với những khu vực đã có quy hoạch được duyệt.

+ Tập trung ưu tiên việc cải thiện và nâng cao chất lượng chỗ ở của các hộ dân cư nông thôn.

+ Tăng cường công tác kiểm tra quản lý quá trình đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở của nông dân nhằm ngăn ngừa không để xảy ra tình trạng vi phạm xây dựng, vi phạm quy hoạch trên địa bàn.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyên dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Tận dụng lợi thế của xã có khu công nghiệp Đông Nam trên địa bàn và nằm kề cận khu công nghiệp Tân Quy và các khu công nghiệp, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương để hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm có lợi thế cung cấp cho thị trường đầy tiềm năng. Trước mắt, chuyển đổi diện tích cây con kém hiệu quả (lúa), diện tích đất bỏ hoang sang xây dựng các mô hình nông nghiệp đô thị mang lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Hỗ trợ thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm để người dân an tâm sản xuất. Đẩy mạnh công tác ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với nông dân.

+ Phấn đấu đạt hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bằng biện pháp tăng đàn nhưng giảm số hộ nuôi. Xử lý nguồn phân trong chăn nuôi để hạn chế đến mức tối đa sự ô nhiễm môi trường bằng cách sử dụng chế phẩm sinh học EMC để giảm bớt mùi hôi (ở khu vực dân cư), đào hố xử lý phân, đặc biệt là những địa bàn sâu lấp đặt túi, hầm ủ biogas để tận dụng nguồn khí đốt do quá trình phân hóa chất thải; hay phân trong chăn nuôi sử dụng để làm thức ăn trùn quế

+ Xây dựng các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn.

+ Khai thác tốt lợi thế của thành phố về du lịch để phát triển kinh tế trên địa bàn xã.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện phấn đấu đến năm 2015 hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới của thành phố, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 2% vào năm 2015.

+ Thực hiện các chương trình an sinh xã hội:

* Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

* Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

d) Các hình thức tổ chức cần phát triển

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh trong tổ hợp tác và hợp tác xã sau khi thành lập.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

+ Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế Tổ hợp tác, Hợp tác xã thông qua:

* Hỗ trợ điều kiện sản xuất như kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản...

* Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

* Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại;

* Tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất đáp ứng tốt dịch vụ cho người dân.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức

đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Vận động nhân dân thực hiện tốt, đầy đủ Luật Bảo hiểm y tế theo quy định.

+ Kịp thời đáp ứng việc khám và chữa bệnh thông thường, chăm sóc sức khỏe trẻ em, sức khỏe sinh sản và tổ chức sơ cấp cứu bệnh nhân nặng trước khi chuyển lên tuyến trên.

+ Bổ sung trang thiết bị trạm y tế: Máy siêu âm, phòng nha, phòng sản, phòng nhi,...

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

- Nội dung thực hiện:

- Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn ấp.

- Xây dựng giải pháp quản lý, ngăn chặn tệ nạn xã hội có nguy cơ lây lan từ nơi khác vào địa bàn xã như: thu hồi giấy phép kinh doanh, đóng cửa 6 tháng đối với các cơ sở kinh doanh vi phạm liên tục 2 lần,... (vi phạm nhẹ 1 lần sẽ bị cảnh cáo, xử phạt hành chính). Kiên quyết bài trừ, đẩy lùi tuyệt đối các tệ nạn xã hội (cà phê đèn mờ, mại dâm, ma túy, trò chơi điện tử mang tính bạo lực,...), dần tiến tới xây dựng thành công xã nông thôn mới toàn diện.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang và lễ hội. Thực hiện tốt chính sách về người nghèo,...

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường (thông qua định kỳ thực hiện phiếu khảo sát hộ).

+ Phối hợp Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn kiểm tra đánh giá chất lượng nguồn nước giếng sinh hoạt của người dân để có kế hoạch điều chỉnh, khuyến cáo. Giao cho các đoàn thể tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã: 1 tháng/lần (trong đó có đợt cao điểm vào tháng 5 hàng năm).

+ Xây dựng mới 1 trạm cấp nước (áp 5) phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân.

+ Ủy ban nhân dân xã khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phạt hành chính hay đề xuất huyện ra quyết định đóng cửa cơ sở hay tổ chức sản xuất - kinh doanh vi phạm về môi trường.

+ Xây dựng mô hình mẫu về tổ, ấp có hệ thống xử lý nước thải của hộ (sẵn sàng đầu nối vào hệ thống nước thải chung của cộng đồng).

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Cũng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu, phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

+ Xây dựng chương trình liên tịch giữa các đoàn thể chính trị nhằm phát huy vai trò của mỗi tổ chức, mỗi đoàn thể trong việc vận động hội viên xây dựng nông thôn mới. Trong đó từng đoàn thể tổ chức các phong trào thi đua, kịp thời biểu dương những cá nhân, tập thể tiêu biểu...

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội

- Mục tiêu: duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động toàn dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, hoàn thành tốt nghĩa vụ quân sự và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

+ Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và các hoạt động tự quản, hòa giải nhân dân. Không xảy ra trọng án, không sử dụng chất nổ, xung điện trái phép, cờ bạc, mại dâm và ma túy. Xã đạt đơn vị an toàn, sẵn sàng chiến đấu.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, dự kiến: 529.021 triệu đồng

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: **355.069** triệu đồng (chiếm 67,12%).

2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 173.952 triệu đồng (chiếm 32,88%).

B. Nguồn vốn

1. Vốn từ ngân sách nhà nước: **338.461** triệu đồng, chiếm 63,98%

+ Vốn nông thôn mới: 188.495 triệu đồng;

+ Vốn lồng ghép: 149.966 triệu đồng; trong đó:

* Vốn tập trung: 102.000 triệu đồng;

* Vốn phân cấp huyện: 22.944 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 25.022 triệu đồng.

2. Vốn cộng đồng: **118.680** triệu đồng; chiếm 22,43% trong đó:

+ Vốn dân: 65.940 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp: 52.740 triệu đồng;

3. Vốn tín dụng: 71.880 triệu đồng.

* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến hết năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011

của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Bình Mỹ; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Mỹ cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Bình Mỹ.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Bình Mỹ, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt

động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Mỹ.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4933/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hòa Phú,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 78/TTr-BQL, ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi; ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 372/TB-TCT-PTNT ngày 28 tháng 11 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1617/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 23 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi,

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới
xã Hòa Phú, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4933/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ HÒA PHÚ - HUYỆN CỬ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Hòa Phú nằm về phía Đông của huyện Củ Chi và về phía Bắc ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 20km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Bình Dương và xã Bình Mỹ;
- Phía Bắc giáp xã Trung An và tỉnh Bình Dương;
- Phía Tây giáp xã Tân Thạnh Đông, xã Trung An;
- Phía Nam giáp xã Tân Thạnh Đông, xã Bình Mỹ.

Diện tích tự nhiên 910,06 ha, chỉ chiếm 2,092% diện tích toàn huyện Củ Chi. Xã được chia thành 7 ấp; gồm: ấp 1; 1A; 2; 2A; 3; 4; 5.

2. Dân số

- Dân số toàn xã là 12.466 nhân khẩu, trong đó nam 5.916 người, chiếm 47,46%; nữ 6.550 người, chiếm 52,54%; 3.105 hộ gia đình (bao gồm cả hộ đăng ký tạm trú trên 6 tháng), mật độ dân số bình quân 1.326 người/km².

+ Thường trú: 2.590 hộ/10.491 nhân khẩu, chiếm 83,4%.

+ Tạm trú: 515 hộ/1.975 nhân khẩu, chiếm 16,6%.

- Dân số của xã phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các tuyến đường lớn, những nơi giao thông thuận lợi như đường tỉnh lộ 8, đường Sông Lu, đường Bến Than,...

- Trong 3.105 hộ đang sinh sống trên địa bàn xã có 2.112 hộ hoạt động kinh tế trong các lĩnh vực phi nông nghiệp (chiếm khoảng 68,1%), 993 hộ sản xuất nông nghiệp (chiếm khoảng 31,9%).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi tại Quyết định số 2214/QĐ-UB ngày 06 tháng 3 năm 2013 (thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới).

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã bao gồm: đường trục xã, liên xã; trục ấp, liên ấp và đường trục chính nội đồng: 53.039m. Trong đó:

+ Đường trục xã, liên xã 04 tuyến (Tỉnh lộ 8, Bến Than, Sông Lu, Huỳnh Minh Mương), dài 10.160m, đã được nhựa hóa đạt chuẩn 100%;

+ Đường trục ấp, liên ấp: có 19 tuyến với tổng chiều dài 18.986m. Trong đó, đã được bê tông, nhựa hóa đạt chuẩn 12 tuyến, chiều dài 14.176m;

+ Đường ngõ, xóm: có 37 tuyến với tổng chiều dài 20.200m, cơ bản đã đạt chuẩn, sạch không lầy lội vào mùa mưa;

+ Đường giao thông nội đồng: có 7 tuyến với tổng chiều dài 3.693m. Trong đó, xe cơ giới đi lại thuận tiện 4 tuyến, dài 1.050m.

b) Thủy lợi

- Hiện nay có một số con kênh, rạch do bồi lắng nên vào mùa mưa không đủ khả năng thoát nước dẫn đến một số khu vực dân cư và vùng sản xuất thường bị ngập úng.

c) Điện

- Trên địa bàn xã Hòa Phú có 49 trạm biến áp với công suất 9.927 KVA.
- Địa bàn xã có 32,9km đường dây trung thế và 27,8km đường dây hạ thế.
- Tỷ lệ hộ dùng điện: 100%.
- Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sản xuất: 100%.

d) Trường học

Hệ thống trường học của xã là 3 (1/3 trường đạt chuẩn): 1 trường mầm non đang xây dựng đạt chuẩn; 1 trường tiểu học (đạt chuẩn); 1 trường trung học cơ sở, không có trường trung học phổ thông. Đảm bảo việc dạy học cho 2.112 học sinh. Cụ thể:

- Trường Mầm non: chỉ có 1 trường mầm non 12 lớp với 315 cháu, hiện nay chỉ có 6/10 giáo viên đạt chuẩn, trường đã xuống cấp, diện tích không đảm bảo nên cần xây dựng mới ở vị trí khác (hiện đang chuẩn bị triển khai xây dựng ở vị trí mới, nguồn kinh phí do một cá nhân hỗ trợ).

- Trường Tiểu học: toàn xã có 1 trường tiểu học (trường tiểu học Hòa Phú) vừa mới xây dựng đạt chuẩn: có 11 phòng chức năng, 32 phòng học, 1.205 học sinh với 34 giáo viên. Năm học 2011 - 2012: tỷ lệ học sinh giỏi đạt 59,6%, học sinh khá 34,4%, học sinh trung bình 6,9%, học sinh yếu 0,9%,

- Trường Trung học cơ sở: hiện tại có 1 trường Trung học cơ sở Hòa Phú, với 14 phòng học, 2 phòng chức năng, 14 lớp, 577 học sinh, 32 giáo viên, Hiện nay cơ sở vật chất của trường còn thiếu, cần nâng cấp hệ thống trường, xây mới thêm phòng chức năng, phòng học và nhà thi đấu thể thao, hội trường... Năm học 2011 - 2012: tỷ lệ học sinh giỏi đạt 24%, học sinh khá 33%, học sinh trung bình 35%, học sinh yếu 8%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông đạt 100%/ 90% (đạt).

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Xã chưa có nhà văn hóa, khu thể thao của xã, các hoạt động văn hóa của xã đều tập trung ở sân bóng đá, Ủy ban nhân dân xã và văn phòng ban nhân dân các ấp (theo chủ trương của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, chỉ xây dựng trung tâm văn hóa theo cụm, xã sử dụng chung cụm Tân Quy).

- Nhà văn hóa ấp: Toàn xã có 7 ấp, tuy nhiên các văn phòng ấp diện tích chỉ khoảng 35 - 50 m² đã xuống cấp, cần nâng cấp và xây mới.

- Khu thể thao của xã, ấp: toàn xã vẫn chưa có khu thể thao phục vụ cho nhu cầu người dân địa phương, mà chủ yếu tự phát theo nhu cầu người dân. Tại các ấp chưa

có khu thể thao riêng. Do địa bàn xã Hòa Phú chỉ khoảng 910 ha, vì thế không cần thiết xây dựng mỗi ấp một nhà văn hóa và khu thể thao mà chỉ xây dựng mỗi ấp đều có văn phòng ban nhân dân ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa phục vụ cho nhu cầu hội họp và sinh hoạt văn hóa của người dân địa phương.

e) Chợ

- Trên địa bàn xã có 1 chợ loại 3 là chợ Hòa Phú nằm trên đường Tỉnh lộ 8, thuộc ấp 2A, chưa đạt chuẩn với diện tích 1.750m², 68 sạp, 4 kiôt, 68 tiểu thương tham gia mua bán, các mặt hàng chủ yếu là sản phẩm phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân trong xã (cần nâng cấp đạt chuẩn). Ngoài ra, trên địa bàn xã có 1 điểm bán hàng bình ổn giá do Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện vận động thành lập.

- Ngoài ra, trên địa bàn xã có 29 doanh nghiệp hoạt động, với nhiều lĩnh vực khác nhau, 25 cơ sở tiểu thủ công nghiệp và 140 hộ kinh doanh cá thể hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua kiểm tra thực tế của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Củ Chi, cấp phép kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường 146/194 hộ đạt 75%.

g) Bưu điện

- Xã đã có 1 bưu điện trung tâm xã với diện tích 916m² thuộc địa bàn ấp 1A, hiện đang vận hành và phục vụ tốt nhu cầu người dân. Góp phần phục vụ cho việc tiếp cận những thông tin, khoa học kỹ thuật trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

- Trên địa bàn xã hiện nay bình quân 2,4 hộ thì có một điện thoại cố định, bình quân 100 hộ dân sử dụng 12 máy điện thoại cố định và khoảng 10% số hộ có sử dụng máy vi tính, tất cả các ấp trên địa bàn xã đều có hệ thống đường truyền Internet của bưu chính viễn thông.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Theo thống kê hiện nay, trên địa bàn toàn xã có 2.883 căn. Trong đó: nhà cấp 2: 115 căn, chiếm 4,0%; nhà cấp 3, cấp 4: 2.768 căn, chiếm 96,0%; không còn nhà tạm, dột nát.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Hòa Phú là một xã ngoại thành của Thành phố Hồ Chí Minh. Kinh tế xã theo hướng: Công nghiệp - nông nghiệp - thương mại, dịch vụ với mức độ giá trị đóng góp cho sự phát triển kinh tế của xã: 42,4% - 34,5% - 23,1%.

+ Nông nghiệp: Nông nghiệp giữ vai trò khá quan trọng trong cơ cấu kinh tế, chiếm tỷ trọng 34,5% tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế. Trong đó, diện tích canh tác thực tế trên địa bàn xã là:

+ Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Hiện tại trên địa bàn xã đang xây dựng 2 khu công nghiệp lớn là khu công nghiệp Đông Nam và khu công nghiệp SAMCO, ngoài ra có 29 doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động đã tạo việc làm ổn định cho một lượng lớn lao động trong và ngoài địa phương.

+ Thương mại - Dịch vụ: Hiện nay, toàn xã có 140 hộ kinh doanh, hoạt động đa dạng trên nhiều lĩnh vực chủ yếu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Ngoài ra, loại hình kinh doanh nhà trọ được nhiều hộ dân đầu tư, tập trung chủ yếu gần các công ty, xí nghiệp đã góp phần tạo thu nhập ổn định cho nhiều hộ dân.

- Thu nhập bình quân đầu người: 19,5 triệu đồng/người/năm (là xã có kinh tế ở mức trung bình của huyện).

b) Giảm nghèo, an sinh xã hội:

- Tỷ lệ hộ nghèo: theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm là 555 hộ, chiếm tỷ lệ 17,87% trên tổng số hộ toàn xã (3.105 hộ).

c) Đào tạo nghề, giải quyết việc làm

- Số người dưới độ tuổi lao động: 12.446 người;

- Cơ cấu lao động phân theo lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; nông nghiệp; thương mại, dịch vụ như sau:

+ Trong nông nghiệp: 1.692 lao động, chiếm 29,85%.

+ Trong công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 2.457 lao động, chiếm 43,34%.

+ Trong thương mại - dịch vụ: 1.520 lao động, chiếm 26,81%.

- Lao động phân theo kiến thức phổ thông như sau:

+ Bậc tiểu học: chiếm 49,12% chủ yếu ở lứa tuổi 45 - 60,

+ Bậc trung học cơ sở: chiếm 32,25%,

+ Bậc trung học phổ thông: chiếm 18,63%.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm (trừ số lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học theo quy định đạt 84%.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Trên địa bàn xã không có các hình thức tổ chức sản xuất như trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động trong nông nghiệp; chủ yếu sản xuất nhỏ lẻ theo hộ gia đình trong các lĩnh vực như: chăn nuôi bò sữa, heo, rau, cây ăn trái xen cài trong khu dân cư,...

- Có 29 doanh nghiệp hoạt động với nhiều lĩnh vực khác nhau; 25 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp như: làm cửa sắt, điện cơ, cơ khí, may gia công, làm tủ bàn ghế...

- Bên cạnh xã có các loại hình buôn bán nhỏ: có 140 hộ kinh doanh cá thể, chủ yếu là các ngành nghề tạp hóa, giải khát, ăn uống bình dân,...

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở năm 2012: tỷ lệ 80% (chuẩn là 70%);

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): 95% (chuẩn là 90%);

- Số người trong độ tuổi đã qua đào tạo: 3.624/5.669 lao động, chiếm 63,93% (chuẩn là 70% trong đó có 40% lao động nữ);

- Phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi (theo Nghị định số 31/2011/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục): đạt 100%.

- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục đào tạo: đạt chuẩn.

b) Y tế

- Trạm y tế xã có 1 bác sỹ, 2 nữ hộ sinh, 1 điều dưỡng, còn thiếu 1 y sỹ đông y. Bình quân hàng năm, trạm tổ chức khám và phát thuốc miễn phí cho khoảng 300 lượt người và kết hợp với Ủy ban nhân dân xã vận động các đoàn y bác sỹ bệnh viện của thành phố khám và điều trị miễn phí cho các hộ nghèo và gia đình khó khăn.

- Đến nay, có 8.615/12.466 người trên địa bàn xã tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 69,1%. Trong đó, trẻ dưới 6 tuổi là 1.803 cháu.

c) Văn hóa

- Tỷ lệ áp đạt chuẩn văn hóa 5/7 ấp, đạt 71,4%.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 75,6%;

- Tỷ lệ người tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên: 20%;
- Tỷ lệ người tham gia các hoạt động văn nghệ: 25%;
- Tỷ lệ đám cưới, đám tang thực hiện nếp sống văn hóa: 70%;
- Tỷ lệ người dân được phổ biến pháp luật và tập huấn khoa học kỹ thuật: 60%.

d) Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100%;
- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 85%;
- Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn môi trường: 75%;
- Xây dựng cơ sở thu gom và xử lý rác, thành lập tổ vệ sinh tại các ấp, vận động người đăng ký tham gia thu gom rác đạt trên 80%.

- Nghĩa trang: hiện trạng trên địa bàn xã có 13 nghĩa trang gia tộc nhỏ lẻ trên địa bàn xã ở các ấp 1, 1A, 2, 2A, 3, 4, 5. Xã đã quy hoạch nghĩa trang chung ở ấp 5 xã Hòa Phú, có diện tích 7ha90. Đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ của gia tộc, xã đã vận động dân không chôn cất hoặc không phát triển mở rộng, nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- Hệ thống chính trị của xã đạt chuẩn.
- Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh. Có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức hoạt động ổn định.

- *Đảng bộ cơ sở*: Có 1 Đảng bộ cơ sở, trong đó có: 13 chi bộ trực thuộc, với 144 đảng viên (gồm: 7 chi bộ ấp, 1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ quân sự và 3 chi bộ trường học, 1 chi bộ công an).

- *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể*:

- + Mặt trận Tổ quốc: 7 ban công tác mặt trận ở 7 ấp, với 30 thành viên.
- + Hội Cựu chiến binh: có 7 chi hội trực thuộc với 130 hội viên.
- + Hội Phụ nữ: có 7 chi hội, tổng số hội viên của hội là 1.853 người.
- + Hội Nông dân: có 7 chi hội với 790 hội viên.
- + Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: có 10 chi đoàn với 114 đoàn viên.

- Ủy ban nhân dân xã: Cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú được giao là 43 người. Trong đó, có 23 cán bộ công chức, 20 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có là 11 cán bộ, 8 công chức, 19 cán bộ không chuyên trách.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ cao học: không có,

+ Trình độ đại học: 11 người,

+ Trình độ cao đẳng: không có,

+ Trình độ trung cấp: 7 người.

- Về trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ đại học: không có,

+ Trình độ cao cấp: 3 người,

+ Trình độ trung cấp: 10 người.

b) Tình hình trật tự xã hội - an ninh trên địa bàn:

- Tình hình An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững, ổn định. Xã đã xây dựng và thực hiện nhiều kế hoạch trấn áp tội phạm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc luôn được củng cố và phát huy sức mạnh. Trong năm đã duy trì sinh hoạt 62 tổ nhân dân và 62 nhóm hộ tự quản.

- Nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn được ổn định và phát triển kinh tế, đã có sự chỉ đạo xuyên suốt từ cấp ủy Đảng đến chính quyền xã. Cụ thể, hàng tuần giao ban giữa thường trực Đảng ủy với các ban, ngành, đoàn thể, trường ban nhân dân 7 ấp.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ HÒA PHÚ - HUYỆN CỬ CHI ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Hòa Phú trở thành xã nông thôn mới thời kỳ Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh

thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Hòa Phú trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn, cụ thể:

- Năm 2012: có 6/19 tiêu chí đạt chuẩn (tiêu chí: 4; 8; 9; 16; 18; 19),

- Năm 2013: Phần đầu đạt 11/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 5 tiêu chí: 1; 7; 12; 15; 17),

- Năm 2014: Phần đầu đạt 15/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 4 tiêu chí: 3; 5; 6; 14),

- Năm 2015: Phần đầu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 4 tiêu chí còn lại: 2; 10; 11; 13).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người năm tăng gấp 1,5 - 1,8 lần so với trước khi xây dựng đề án (19,5 triệu đồng/người/năm). Không thấp hơn 37 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm 5% - 7%/năm, đến năm 2015 cơ bản trên địa bàn xã không còn hộ nghèo.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp. Tỷ lệ lao động ở độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp giảm bình quân 4 - 8%/năm. Đào tạo cho 2.581 lao động trong độ tuổi về các lĩnh vực (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - thương mại, dịch vụ - nông nghiệp và ngành nghề nông thôn) và có ít nhất 60% nông dân được trang bị kiến thức nông nghiệp, quản lý.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả

cao, an toàn vệ sinh không có dịch bệnh. Trong đó, quy hoạch diện tích gieo trồng lúa 44 ha; Rau màu các loại (40 ha), hoa lan và cây kiểng (diện tích 5 ha), trồng cỏ nuôi bò (diện tích 60 ha), cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái vườn (diện tích 65 ha); Chăn nuôi: phát triển 2 con: heo (số lượng 3.500 con), bò sữa, bò thịt (3.300 con), bò thịt (300 con).

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy và học trong hệ thống các trường.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 7/7 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 1 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi tại Quyết định số 2214/QĐ-UB ngày 06 tháng 3 năm 2013.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đường liên ấp, trục ấp: nâng cấp, mở rộng 7 tuyến (2 tuyến từ cấp phối sỏi đỏ lên láng nhựa; 3 tuyến từ nền đất lên láng nhựa; 2 tuyến từ nền đất lên cấp phối sỏi đỏ) với tổng chiều dài: 4.810m;

+ Đường giao thông nội đồng: nâng cấp, mở rộng 3 tuyến đường từ nền đất lên cấp phối sỏi đỏ với tổng chiều: 2.643m.

b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Nạo vét, kết hợp giao thông nội đồng 1 bên (cấp phối sỏi đỏ): 3 tuyến dài với tổng chiều dài 4.200m.

+ Nạo vét thông thoáng dòng chảy: 2 tuyến với tổng chiều dài 2.580m.

c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Trạm biến áp: xây mới 5, nâng cấp 9.

+ Xây mới 1,2km dây hạ thế.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: cải tạo, nâng cấp và xây dựng thêm 12 phòng học Trường Trung học cơ sở Hòa Phú.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã: nâng cấp, sửa chữa khối công trình, xây mới tường rào, nhà truyền thống, và 4 phòng làm việc cho công an xã.

+ Xây mới văn phòng Ban nhân dân ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp 1; 1A; 3; 4; 5: 3.

+ Cải tạo, nâng cấp văn phòng ban nhân dân các ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp 2A.

e) Chợ

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: nâng cấp chợ Hòa Phú nhằm góp phần lưu thông hàng hóa và nhu cầu sinh hoạt cho người dân ngày càng tốt hơn.

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Duy trì bưu điện xã phục vụ bưu chính gắn với các điểm truy nhập dịch vụ internet ở mỗi ấp tạo điều kiện để nhân dân mở mang kiến thức và phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và nhân rộng mô hình truy cập thông tin trên mạng Internet cho các tổ hợp tác sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp hướng tới mỗi nhà nông một website.

h) Nhà ở dân cư

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Duy trì tỷ lệ 100% không còn nhà tạm, dột nát;

+ Chính trang nhà ở dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển đảm bảo mỹ quan khu dân cư nông thôn ven đô.

+ Vận động và tuyên truyền người dân có nhu cầu xây mới; sửa chữa nhà ở dân cư phù hợp với nông thôn ven đô.

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ lãi vay chính sửa nhà ở.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm có lợi thế theo hướng thị trường và hàng hóa. Nhà nước hỗ trợ đầu tư để phát triển ngành hàng đó thành sản phẩm hàng hóa của địa phương.

+ Khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị, diện tích đất ít nhưng hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường. Xã quy hoạch ổn định vùng đất sản xuất nông nghiệp để Nhà nước hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng cơ bản (đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...) phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, đào tạo kiến thức cho các chủ hộ.

+ Tăng cường khuyến nông đối với nông dân qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan đầu bờ, bồi dưỡng kiến thức qua câu lạc bộ khuyến nông, khuyến công.

+ Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao,...

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện phấn đấu đến năm 2015 hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới của thành phố, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 2% vào năm 2015.

+ Thực hiện các chương trình an sinh xã hội:

* Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

* Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

* Cơ giới hóa sản xuất: khai thác tốt các tiềm năng về đất đai, lao động và lợi thế của xã thông qua giải pháp kích cầu.

* Xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm: thông qua việc cung cấp thông tin về chủ trương chính sách và tình hình sản xuất các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh của xã; giá cả buôn bán lẻ các sản phẩm chủ yếu tại địa phương, các vùng lân cận trên địa bàn; hỗ trợ việc tham quan hội chợ triển lãm hàng, quảng bá thương hiệu; thành lập trang website để giao dịch qua mạng.

c) Đào tạo nghề, giải quyết việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý,

cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

d) Các hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Chỉ tiêu phấn đấu: Thành lập 1 hợp tác xã và 1 tổ hợp tác.

+ Tuyên truyền, vận động: nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...).

+ Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế Tổ hợp tác, Hợp tác xã thông qua:

* Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

* Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại; Tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất đáp ứng tốt dịch vụ cho người dân.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động, dưới nhiều hình thức và ngành nghề phù hợp với đặc thù địa phương.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW về củng cố, tăng cường và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; phát triển mạng lưới nhân viên sức khỏe cộng đồng; phát huy vai trò mạng lưới y tế cơ sở trong chăm sóc y tế cho người nghèo.

+ Hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế theo quy định và trang thiết bị để đảm bảo khám chữa bệnh.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn.

+ Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang, lễ hội... Thực hiện tốt chính sách về người nghèo...

+ Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức

độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp”, kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên quy mô xã.

+ Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, dự kiến: 186.985 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: **84.165** triệu đồng (chiếm 45,01%)
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 102.820 triệu đồng (chiếm 54,98%).

B. Nguồn vốn

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: **69.389** triệu đồng, chiếm 37,11%; trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 61.719 triệu đồng, chiếm 33,01%.

+ Vốn lồng ghép: 7.670 triệu đồng:

* Vốn tập trung: 0 triệu đồng;

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 7.670 triệu đồng.

2. Vốn cộng đồng: **67.496** triệu đồng, chiếm 36,10%; trong đó:

+ Vốn dân: 33.921 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 33.575 triệu đồng

3. Vốn tín dụng: 50.100 triệu đồng, chiếm 26,79%.

* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu Tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, Ban Chỉ đạo Chương trình nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về Chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý nông thôn mới xã Hòa Phú xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Hòa Phú, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Hòa Phú; tổ chức giám sát việc công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Hòa Phú.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phú, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Hòa Phú.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Hòa Phú, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề

xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng